TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂY HÒA** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **10**/2024/DSST
Ngày: 02/7/2024
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY HÒA, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thúy
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Liên và ông Lương Tấn Nghị
- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Như Ý - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Hòa tham gia phiên tòa: Ông Dương Đức Hái - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 15/2024/TLST - DS ngày 13 tháng 3 năm 2024 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2024/QĐXX-ST ngày 31 tháng 5 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 43/2024/QĐ-HPT ngày 17/6/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng n**;
Địa chỉ: Số 02 L, phường T, Quận B, Thành phố Hà Nội.
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn H , sinh năm: 1978 – Trưởng phòng khách hàng Ngân hàng n - Chi nhánh huyện T, tỉnh Phú Yên; Địa chỉ: Khu phố P, thị trấn P, huyện T, tỉnh Phú Yên (Theo giấy ủy quyền ngày 27/02/2024). Có mặt.

Bị đơn: Vợ chồng **Phan Văn N,** sinh năm 1973 và **Trần Thị P,** sinh năm 1980; (Bà P ủy quyền cho ông N tham gia tố tụng theo giấy ủy quyền ngày 29/3/2024). Đều vắng mặt.

Đồng địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện Tây H, tỉnh Phú Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vợ chồng ông Phan Văn N và bà Trần Thị P có ký hợp đồng vay vốn tại ngân hàng nông nghiệp và phát tiển nông thôn Việt Nam – chi nhánh huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên theo hợp đồng tín dụng số 4610 –LAV- 202105196 ngày 29 tháng 11 năm 2021 với số tiền vay là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng), mục đích vay chăn nuôi bò. Thời hạn vay 24 tháng kể từ ngày 29/11/2021 đến hết ngày 29/11/2023, lãi suất vay 10%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150%/năm.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay trên vợ chồng ông N, bà P đã ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 4610 LCL 201902569 ký ngày 28/11/2019 và hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 02569/HĐTCBS/2021 ký ngày 29/11/2021 đối với quyền sử dụng đất tại thửa đất số 186 (1), tờ bản đồ số 32-A, diện tích 620 m^2; Địa chỉ thửa đất: Thôn Lương Phước, xã Hòa Phú, huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R506952 do UBND huyện Tây Hòa cấp ngày 20/5/2002, đăng ký biến động ngày 22/05/2017, 21/08/2017 tặng cho ông Phan Văn N, bà Trần Thị P.

Hợp đồng tín dụng số 4610 –LAV- 202105196 ngày 29/11/2021 đã hết hạn kể từ ngày 30/11/2023. Ngân hàng đã nhiều lần làm việc và nhắc nhở vợ chồng ông N, bà P trả nợ nhưng vợ chồng ông N, bà P không trả.

Quá trình giải quyết vụ án ngày 07/6/2024, vợ chồng ông N, bà P đã trả được thêm số tiền gốc và lãi là 40.000.000đ, số tiền còn lại đến nay chưa trả. Do đó, để thu hồi nợ gốc và lãi, bảo đảm quyền lợi cho Ngân hàng n. Nay Ngân hàng n yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông N, bà P phải trả dứt điểm nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày xét xử 02/7/2024 là 316.161.000 đồng, trong đó nợ gốc là 260.000.000 đồng, nợ lãi là 56.161.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử 02/7/2024, cho đến khi thi hành án xong, bị đơn vợ chồng ông N, bà P còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại thỏa thuận về các điều khoản đã ký kết trong Hợp đồng cấp tín dụng giữa Ngân hàng n và vợ chồng ông N, bà P.

Trường hợp vợ chồng ông N, bà P không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện không đầy đủ thì nguyên đơn Ngân hàng n được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên xử lý tài sản thế chấp tại hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 4610 LCL 201902569 ký ngày 28/11/2019 và hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 02569/HĐTCBS/2021 ký ngày 29/11/2021 giữa Ngân hàng n – Chi nhánh huyện Tây Hòa với vợ chồng ông N, bà P là quyền sử dụng đất tại thửa số 186 (1), tờ bản đồ số 32-A, diện tích 620 m^2; Địa chỉ thửa đất: Thôn L, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R506952 do UBND huyện Tây Hòa cấp ngày 20/5/2002, đăng ký biến động ngày 22/05/2017, 21/08/2017 tặng cho ông Phan Văn N, bà Trần Thị P.

Nếu tài sản thế chấp không đủ để thực hiện nghĩa vụ thì thực hiện theo quy định của pháp luật về Thi hành án dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn vợ chồng ông N, bà P thừa nhận, có vay còn nợ và chấp nhận trả đủ dứt điểm theo yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng n, trường hợp không trả nợ xong thì nguyên đơn được quyền xử lý tài sản thế chấp

theo hợp đồng thế chấp mà hai bên đã ký kết và đề nghị Tòa án cho thời gian để hai bên thỏa thuận, tuy nhiên hết thời gian, bị đơn vợ chồng ông N, bà P đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do và không gửi ý kiến bằng văn bản cho Tòa án nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Hòa phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử, Thẩm phán đã xác định đúng mối quan hệ tranh chấp, xác định đúng tư cách pháp lý của các đương sự, chấp hành đúng trình tự, thủ tục thu thập tài liệu, chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký cũng đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ pháp luật quy định.

+ Về nội dung vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 2, Điều 100 và Điều 103 Luật Tổ chức tín dụng năm 2024. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn vợ chồng ông Phan Văn N, Trần Thị P phải trả dứt điểm nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 02/7/2024 là 316.161.000 đồng, trong đó nợ gốc là 260.000.000 đồng, nợ lãi là 56.161.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử 02/7/2024 cho đến khi thi hành án xong, bị đơn vợ chồng ông N, bà P còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại thỏa thuận về các điều khoản đã ký kết trong Hợp đồng cấp tín dụng giữa Ngân hàng n và vợ chồng ôngNam, bà P.

+ Về yêu cầu xử lý hợp đồng thế chấp: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Trường hợp vợ chồng ôngNam, bà P không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện không đầy đủ thì nguyên đơn Ngân hàng n được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên xử lý tài sản thế chấp tại hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 4610 LCL 201902569 ký ngày 28/11/2019 và hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 02569/HĐTCBS/2021 ký ngày 29/11/2021 giữa Ngân hàng n – Chi nhánh huyện Tây Hòa với vợ chồng ông N, bà P là quyền sử dụng đất tại thửa số 186 (1), tờ bản đồ số 32-A, diện tích 620 m^2; Địa chỉ thửa đất: Thôn L, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R506952 do UBND huyện Tây Hòa cấp ngày 20/5/2002, đăng ký biến động ngày 22/05/2017, 21/08/2017 tặng cho ông Phan Văn N, bà Trần Thị P.

Nếu tài sản thế chấp không đủ để thực hiện nghĩa vụ thì thực hiện theo quy định của pháp luật về Thi hành án dân sự.

+ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

+ Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bị đơn có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn số tiền 2.500.000 đồng (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ do nguyên đơn đã nộp tạm ứng trong quá trình giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 157 của Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc và lãi đã vay phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 4610 –LAV- 202105196 ngày 29 tháng 11 năm 2021 nên đây là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại thôn L, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên.

[2] Thủ tục giải quyết vắng mặt đương sự: Tại phiên tòa bị đơn vợ chồng ông N, bà P vắng mặt nên Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn vợ chồng ông N, bà P theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Căn cứ vào hợp đồng tín dụng và các chứng cứ có trong hồ sơ xác định được vợ chồng ông N, bà P có ký hợp đồng vay vốn tại Ngân hàng n – chi nhánh huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên tại hợp đồng tín dụng số 4610 –LAV-202105196 ngày 29 tháng 11 năm 2021 với số tiền vay là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng), mục đích vay chăn nuôi bò. Thời hạn vay 24 tháng kể từ ngày 29/11/2021 đến hết ngày 29/11/2023, lãi suất vay 10%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150%/năm.

Như vậy, việc giao kết hợp đồng vay vốn giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, nội dung thỏa thuận trong hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia ký kết hợp đồng.

[3.2] Quá trình thực hiện hợp đồng vợ chồng ông N, bà P đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo thoả thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa hai bên. Ngân hàng đã nhiều lần ra thông báo thu hồi nợ nhưng vợ chồng ông N, bà P không trả nợ và vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 30/11/2023. Như vậy, vợ chồng ông N, Phi đã vi phạm hợp đồng tín dụng ký kết giữa hai bên về thời gian thanh toán nợ gốc và lãi.

[3.3] Về tiền nợ gốc:

+ Căn cứ hợp đồng tín dụng số 4610 LAV 202105196 ngày 29 tháng 11 năm 2021 vợ chồng ông N, bà P vay số tiền 300.000.000 đồng.

Theo yêu cầu của nguyên đơn thì tính đến ngày xét xử (02/7/2024) bị đơn vẫn chưa thanh toán nợ gốc cho nguyên đơn, số nợ gốc còn lại là 260.000.000đ. Nên nguyên đơn Ngân hàng n yêu cầu vợ chồng ông N, bà P trả hết số nợ gốc nói trên là hoàn toàn có căn cứ, Hội đồng xét xử thấy đủ cơ sở để chấp nhận.

[3.4] Về tiền lãi: Nội dung thỏa thuận về lãi suất giữa nguyên đơn và bị đơn theo hợp đồng tín dụng số 4610 –LAV- 202105196 ngày 29 tháng 11 năm 2021 là phù hợp với quy định về việc cho vay của các tổ chức tín dụng tại Điều 2, Điều 100, Điều 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024, phù hợp với các quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự, do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán lãi suất chưa thanh toán

tạm tính đến ngày xét xử (ngày 02/7/2024) là 56.161.000 đồng. Bị đơn còn phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn do các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đã ký kết kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 02/7/2024) cho đến khi trả xong nợ.

[3.5] Đối với tài sản thế chấp:

[3.5.1] Hiệu lực của hợp đồng thế chấp: Nguyên đơn đề nghị Tòa án buộc xử lý tài sản thế chấp của vợ chồng ông N, bà P để thu hồi vốn gồm tài sản bảo đảm thế chấp đối với khoản vay là: Quyền sử dụng đất tại thửa số 186 (1), tờ bản đồ số 32-A, diện tích 620 m^2; Địa chỉ thửa đất: Thôn Lương Phước, xã Hòa Phú, huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R506952 do UBND huyện Tây Hòa cấp ngày 20/5/2002, đăng ký biến động ngày 22/05/2017, 21/08/2017 tặng cho ông Phan Văn N, bà Trần Thị P.

Hợp đồng thế chấp đã được công chứng tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Phú, huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên. Hợp đồng thế chấp được lập đúng hình thức, nội dung và có đăng ký giao dịch đảm bảo theo quy định pháp luật nên có hiệu lực pháp luật, Hội đồng xét xử thấy đủ cơ sở để chấp nhận.

[3.5.2] Về tài sản thế chấp: Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 29/3/2024 của TAND huyện Tây Hòa, xác định thửa số 186 (1), tờ bản đồ số 32-A, diện tích 620 m^2; Địa chỉ thửa đất: Thôn Lương Phước, xã Hòa Phú, huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên; đã được Ủy ban nhân dân huyện Tây Hòa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 506952 ngày 20/5/2002 đăng ký biến động ngày 22/05/2017, 21/08/2017 tặng cho ông Phan Văn N, bà Trần Thị P là phù hợp với bản đồ thửa đất; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và trên thực tế phù hợp, đúng vị trí.

Do đó, trường hợp vợ chồng ông Phan Văn N, bà Trần Thị P không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện không đầy đủ thì nguyên đơn Ngân hàng n được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự huyện Tây Hòa tỉnh Phú Yên xử lý tài sản thế chấp tại hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 4610 LCL 201902569 ký ngày 28/11/2019 và hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 02569/HĐTCBS/2021 ký ngày 29/11/2021 giữa Ngân hàng n – Chi nhánh huyện Tây Hòa với vợ chồng ông N, bà P là quyền sử dụng đất tại thửa số 186 (1), tờ bản đồ số 32-A, diện tích 620 m^2; Địa chỉ thửa đất: Thôn Lương Phước, xã Hòa Phú, huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 506952 do UBND huyện Tây Hòa cấp ngày 20/5/2002, đăng ký biến động ngày 22/05/2017, 21/08/2017 tặng cho ông Phan Văn N, bà Trần Thị P. Nếu tài sản thế chấp không đủ để thực hiện nghĩa vụ thì thực hiện theo quy định của pháp luật về Thi hành án dân sự.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn vợ chồng ông N, bà P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5 % giá trị tài sản có tranh chấp là: 316.161.000 đồng x 5% = 15.808.000 đồng (*đã làm tròn*). Hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn số tiền 2.500.000 đồng (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*) chi phí xem xét thẩm định

do nguyên đơn đã nộp tạm ứng trong quá trình giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 157 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 157; Điều 227, Điều 228, Điều 244; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 2; Điều 100; Điều 103 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024;

Căn cứ các Điều 357; Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng n.

1.1. Buộc bị đơn vợ chồng ông Phan Văn N, bà Trần Thị P phải trả đủ dứt điểm cho nguyên đơn Ngân hàng n số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 02/7/2024 là 316.161.000 đồng (*Ba trăm mười mười sáu triệu một trăm sáu mươi mốt nghìn đồng*), trong đó tiền gốc là 260.000.000 đồng (*Hai trăm sáu mươi triệu đồng*) và tiền lãi tạm tính đến ngày 02/7/2024 là 56.161.000 đồng (*Năm mươi sáu triệu một trăm sáu mươi mốt nghìn đồng*) về khoản tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

1.2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (02/7/2024) cho đến khi thi hành án xong, bị đơn vợ chồng ông Phan Văn N, bà Trần Thị P còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa Ngân hàng n – chi nhánh huyện Tây Hòa với vợ chồng ông Phan Văn N, bà Trần Thị P cho đến khi trả xong nợ. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

1.3. Trường hợp vợ chồng ông Phan Văn N, bà Trần Thị P không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện không đầy đủ thì nguyên đơn Ngân hàng n được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự huyện Tây Hòa tỉnh Phú Yên xử lý tài sản thế chấp tại hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 4610 LCL 201902569 ký ngày 28/11/2019 và hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 02569/HĐTCBS/2021 ký ngày 29/11/2021 giữa Ngân hàng n – Chi nhánh huyện Tây Hòa với vợ chồng ông N, bà P là quyền sử dụng đất tại thửa số 186 (1), tờ bản đồ số 32-A, diện tích 620 m^2; Địa chỉ thửa đất: Thôn L, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R506952 do UBND huyện Tây Hòa cấp ngày 20/5/2002, đăng ký biến động ngày 22/05/2017, 21/08/2017 tặng cho ông Phan Văn N, bà Trần Thị P. Nếu tài sản thế chấp không đủ để thực hiện nghĩa vụ thì thực hiện theo quy định của pháp luật về Thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Bị đơn vợ chồng ông Phan Văn N, bà Trần Thị P phải chịu 15.808.000 đồng (*Mười lăm triệu tám trăm lẻ tám nghìn đồng*) (*đã làm tròn*) án phí dân sự sơ thẩm về khoản tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng n số tiền 8.525.000. đồng (*Tám triệu năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0000786 ngày 13/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên.

3. Về chi phí tố tụng: Bị đơn vợ chồng ông Phan Văn N, bà Trần Thị P phải chịu 2.500.000 đồng (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Nguyên đơn Ngân hàng n đã nộp tạm ứng 2.500.000 đồng (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*) nên bị đơn vợ chồng ông Phan Văn N, bà Trần Thị P có nghĩa vụ trả lại cho nguyên đơn Ngân hàng n 2.500.000 đồng (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*).

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4**.** Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
-VKSND huyện Tây Hòa;
-TAND tỉnh Phú Yên;
-Các đương sự;
-Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Hòa;
-Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Thị Kim Thúy